

Bản án số: 635/2020/DS-PT

Ngày: 25/11/2020

V/v “*Tranh chấp về thừa kế*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tùng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Trần Văn Mười

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:***

Ông Vũ Hồng Cường, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 04 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về thừa kế*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 25/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3892/2020/QĐ-PT ngày 22/10/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1/Bà Đỗ Ngọc T, sinh năm 1939 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 38, Ô 3, khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2/Bà Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1943 (vắng mặt);

Địa chỉ: 208 lô C, chung cư V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3/Bà Đỗ Ngọc P, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 239, Ô 1, khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn (văn bản ủy quyền ghi ngày 10/06/2009; 21/02/2013):*

Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: 208 lô C, chung cư V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn:*

Luật sư Nguyễn Thị Hồng L, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*2. Bị đơn:*

2.1/ Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: 22 Ô 2, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2/ Ông Đỗ Quốc Trung, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn:*

Luật sư Nguyễn Hoàng A, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Ông Đỗ Văn V, sinh năm 1941 (vắng mặt);

Địa chỉ: 8951 Blackheath – CIR Wesminter, CA 92683 – 6823 – USA.

3.2/ Bà Đỗ Thị Tuyết V, sinh năm 1975 (vắng mặt);

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Tuyết V (văn bản ủy quyền ghi ngày 22/03/2018):*

Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: 22 Ô 2, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3/ Bà Đỗ Thị Bích T, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: 22 Ô 2, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4/ Ông Đỗ Tuấn A, sinh năm 1978 (có mặt);

3.5/ Bà Đinh Thị N, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 22 Ô 2, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Tuấn A:*

Luật sư Nguyễn Hoàng A, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.6/ Ông Lê Minh B, sinh năm 1967 (vắng mặt);

3.7/ Bà Dương Thị Bích V, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 08 Ô 2, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3.8/ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: 191 Ô 2, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*4. Người kháng cáo:*

Bà Đỗ Thị V, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là bà Đỗ Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc L và bà Đỗ Ngọc P như sau:*

Ông Đỗ Phát T (chết vào năm 1989) và bà Nguyễn Thị C (chết vào năm 1996) là vợ-chồng, có 05 người con chung, kể ra như sau:

- Bà Đỗ Ngọc T;
- Ông Đỗ Văn V;
- Bà Đỗ Thị Ngọc L;
- Bà Đỗ Ngọc P;
- Ông Đỗ Phát Tr (chết vào năm 2004).

Ông T và bà C chết, không có di chúc.

Ông T-bà C để lại những tài sản sau đây:

-Nhà và đất tọa lạc tại số 102A, Ô2, khu 3, thị trấn C, tỉnh Tiền Giang;

-Nhà và đất tọa lạc tại số 22, Ô2, khu 3, thị trấn C, tỉnh Tiền Giang.

-Nhà và đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, Tiền Giang, diện tích đất vườn là 8.319 m<sup>2</sup>.

Hiện nay, bà Đỗ Thị V (là vợ của ông Đỗ Phát Tr) và ông Đỗ Quốc Tr (là con của ông Trều-bà V) đang quản lý, sử dụng toàn bộ di sản của ông T-bà C để lại, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp cho ông Đỗ Phát Tr, bà Đỗ Thị V và ông Đỗ Quốc T vào các năm 1993; 1997; 2002; 2003; 2005; 2006.

Vào năm 2008, bà V được Ủy ban nhân dân huyện C cho phép chuyển nhượng căn nhà số 102A, ô2, khu 3, thị trấn C cho vợ chồng ông Lê Minh B.

Các đồng nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu như sau:

-Đối với căn nhà số 102A, Ô2, khu 3, thị trấn C: căn nhà này đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Minh B vào năm 2008; các nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng căn nhà này (hợp đồng ký kết giữa bà V và ông Lê Minh B-bà Dương Thị Bích V) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở đã cấp cho ông B-bà V; yêu cầu chia giá trị nhà và đất cho 05 người đồng thừa kế. Người nào được nhận nhà và đất, sẽ trả lại di sản tính bằng tiền, cho các đồng thừa kế còn lại. Giá trị căn nhà và đất được xác định vào thời điểm chia thừa kế (phía nguyên đơn đã có đơn ngăn chặn sửa chữa và mua bán từ năm 2002). Căn nhà hiện nay, do ông B-bà V xây dựng, nếu có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

-Đối với căn nhà số 22, Ô2, khu 3 thị trấn C: yêu cầu chia đều giá trị nhà và đất cho 05 người đồng thừa kế; người nào nhận nhà và đất, sẽ trả lại di sản tính bằng tiền, cho các đồng thừa kế còn lại; giá trị căn nhà và đất được xác định vào thời điểm chia thừa kế (phía nguyên đơn đã có đơn ngăn chặn sửa chữa và mua bán từ năm 2002);

-Đối với căn nhà tại ấp B, xã B, huyện C: yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà của các đồng thừa kế, bao gồm: bà T, ông V, bà L, ông Tr (các đồng thừa kế thế vị của ông Tr sẽ nhận thay) và bà P, nhưng các đồng thừa kế không được sang nhượng nhà mà sẽ thỏa thuận giao cho một người trong các đồng thừa kế quản lý căn nhà. Đối với diện tích đất, yêu cầu chia đều cho 05 người đồng thừa kế để quản lý, sử dụng; không ai được sang bán, chuyển nhượng.

*Bị đơn là bà Đỗ Thị V, ông Đỗ Quốc Tr trình bày ý kiến như sau:*

Ông Đỗ Phát Tr chết vào năm 2004 là con ruột của ông T-bà C.

Ông Tr có vợ là bà Đỗ Thị V; ông Tr-bà V có những người con như sau: bà Đỗ Thị Bích Th, bà Đỗ Thị Tuyết V, ông Đỗ Quốc Tr, ông Đỗ Tuấn A, bà Đinh Thị N (là vợ của ông Tuấn A).

Về hàng thừa kế, bà V và ông Tr đồng ý với ý kiến mà các nguyên đơn trình bày nói trên. Bà V, ông Tuấn A và ông Tr không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Riêng đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của các đồng nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở đã cấp cho vợ-chồng ông Bạch-bà Vân, thì bị đơn không đồng ý.

Đối với căn nhà tại ấp B, xã B, huyện C: căn nhà này dùng để thờ cúng ông, bà. Từ khi xảy ra tranh chấp đến nay, căn nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Đối với tài sản là nhà và đất tọa lạc tại số 22, Ô2, khu 3, thị trấn C, huyện C: trên phần đất tranh chấp này, có một căn nhà do ông Tân và bà Chánh để lại; ông Tuấn A, bà N, bà T, ông Tr, bà V và bà V đã sửa chữa mới vào khoảng 60%. Vào năm 2018, bà V đã xây dựng một căn nhà mới, giáp quốc lộ 50 cũ, trên phần đất tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Tuyết V, bà Đỗ Thị Bích T và ông Đỗ Tuấn A trình bày ý kiến như sau:* đồng ý với ý kiến của bà Vân.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Minh B, bà Dương Thị Bích V, bà Đinh Thị N và Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang:* những đương sự này được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 25/03/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định như sau:*

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc L, bà Đỗ Ngọc P.

Xác định giá trị di sản của ông Đỗ Phát T và bà Nguyễn Thị C để lại trong căn nhà số 22 và căn nhà số 102A, Ô2, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 3.810.901.936 đồng.

Bà Đỗ Thị V tiếp tục sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất số 22, Ô2, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang có diện tích thực đo là 281,4 m<sup>2</sup> thuộc

thửa 102, tờ bản đồ số 41 và phải trả di sản thừa kế nói trên, tính bằng tiền, cho các ông bà: Đỗ Văn V, Đỗ Ngọc T, Đỗ Thị Ngọc L, Đỗ Ngọc P, mỗi người là 635.150.322 đồng; thực hiện việc giao tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

-Bà Đỗ Thị V tiếp tục quản lý phần di sản mà ông Đỗ Văn V được hưởng; khi ông V có yêu cầu thì bà V phải giao lại.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà V chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc L, bà Đỗ Ngọc P.

-Công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất diện tích 8.006,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 154, tờ bản đồ số 26 cho những người đồng thừa kế; những người đồng thừa kế phải tự thỏa thuận cử một người quản lý di sản theo đúng quy định của pháp luật. Nhà và đất có diện tích 8.006,1 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, là di sản thờ cúng tổ tiên, các đồng thừa kế không được mua bán, sang nhượng;

-Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02620 ngày 03/03/2011 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đỗ Quốc Tr.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đỗ Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc L, bà Đỗ Ngọc Ph, ông Đỗ Quốc Tr được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/04/2019, bà Đỗ Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

-Người kháng cáo là bà Đỗ Thị V, bị đơn, trình bày nội dung kháng cáo của đương sự theo đơn kháng cáo bổ sung ghi ngày 22/10/2020, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm vì lý do sau đây: Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong việc xác định giá trị tài sản tranh chấp; Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa đúng về công sức của phía bị đơn trong việc trông nom, chăm sóc cho cha-mẹ và công sức trong việc bảo quản, giữ gìn di sản;

-Nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

-Những người tham gia tố tụng khác, có mặt hoặc vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng không có văn bản nào để thay đổi ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo là bà Đỗ Thị V, bị đơn, trình bày ý kiến như sau:

-Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị của các tài sản tranh chấp chưa đúng pháp luật, gây thiệt hại cho quyền lợi của phía bị đơn (sử dụng biên bản định giá tài sản từ năm 2018 để giải quyết vụ án, trong khi việc định giá chỉ có giá trị trong vòng 06 tháng; căn nhà và đất số 102A, Ô2, khu 3, thị trấn C, phía bị đơn đã bán từ năm 2008 với giá 300.000.000 đồng nhưng Tòa án lại lấy giá trị nhà, đất hiện nay là 693.705.600 đồng để phân chia.....);

-Tòa án xác định không đúng về công sức của phía bị đơn trong việc trông nom, chăm sóc cha-mẹ (ông T-bà C) và công sức bảo quản, giữ gìn di sản của phía bị đơn;

-Tòa án xác định chưa đúng về tính chất của di sản là phần đất có diện tích 8.006 m<sup>2</sup> mà bà Đoàn Thị C để lại;

-Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng trong việc định giá tài sản.

Với những ý kiến trình bày nói trên, Luật sư của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những nguyên đơn, trình bày ý kiến như sau:

-Các ý kiến mà Luật sư phía bị đơn nêu ra để yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, là chưa đúng pháp luật, lý do như sau: khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng giá trị tài sản đã xác định vào năm 2018 nhưng các bên đương sự đều đồng ý, không có đương sự nào yêu cầu phải định giá lại; Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng về công sức của phía bị đơn nên đã chia thêm 01 kỷ phần thừa kế cho bị đơn; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật.

Với những ý kiến trình bày nói trên, Luật sư của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án và các đương sự thực hiện đúng pháp luật tố tụng;

-Về nội dung giải quyết vụ án:

Phía bị đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì có nhiều sai sót về thủ tục tố tụng.

Tuy nhiên, xét thấy việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa hợp lệ lần thứ nhất vào ngày 16/09/2020. Tại phiên tòa, do có đương sự vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.

Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vào ngày hôm nay, 25/11/2020. Tại phiên tòa, người kháng cáo là bà Đỗ Thị Vãn, bị đơn, có mặt; phía nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng; một số đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

[2]Về mối quan hệ huyết thống giữa các đương sự trong vụ án:

Ông Đỗ Phát T (chết vào năm 1989) và bà Nguyễn Thị C (chết vào năm 1996) là vợ-chồng, có 05 người con chung, kể ra như sau:

-Bà Đỗ Ngọc T;

-Ông Đỗ Văn V;

-Bà Đỗ Thị Ngọc L;

-Bà Đỗ Ngọc P;

-Ông Đỗ Phát Tr (chết vào năm 2004). Ông Tr có vợ là bà Đỗ Thị V; ông Tr-bà V có những người con như sau: bà Đỗ Thị Bích T, bà Đỗ Thị Tuyết V, ông Đỗ Quốc Tr, ông Đỗ Tuấn A.

Ông Tân và bà Chánh chết, không có di chúc.

[3]Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, xác định di sản của ông T-bà C là những tài sản sau đây:

-Giá trị quyền sử dụng đất của căn nhà số 102A, Ô2, khu 3, thị trấn C, huyện C, là 693.705.600 đồng;

-Nhà và đất số 22, Ô2, khu 3, thị trấn C, huyện C, trị giá 3.117.196.336 đồng;

-Nhà và phần đất có diện tích là 8.006,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 154, tờ bản đồ 26 tại ấp B, xã B, huyện C, là di sản dùng vào việc thờ cúng, không được phân chia thừa kế.

[4]Căn cứ vào việc xác định di sản nói trên và tính chất pháp lý của di sản, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia di sản của ông T-bà C là giá trị quyền sử dụng đất của căn nhà số 102A, Ô2, khu 3, thị trấn C, huyện C và căn nhà và đất số 22, Ô2, khu 3, thị trấn C, huyện Chợ Gạo.

Riêng đối với di sản là nhà và phần đất có diện tích là 8.006,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 154, tờ bản đồ 26 tại ấp B, xã B, huyện C, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là di sản dùng vào việc thờ cúng, không phân chia thừa kế.

[5]Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của của ông T-bà C nói trên và tính chất pháp lý của di sản, là chưa đúng pháp luật, dẫn đến việc phân chia không đúng di sản cho những người thừa kế; lý do như sau:

[5.1]Đối với căn nhà và đất số 102A, Ô2, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang:

-Vào ngày 21/11/1991, bà C (là người mẹ) cùng với bà Đỗ Ngọc T và bà Đỗ Ngọc P ký kết văn bản, đồng ý ủy quyền nhà cho ông Đỗ Phát Tr; văn bản ủy quyền ngày 21/11/1991 có sự chứng nhận hợp lệ của chính quyền địa phương vào ngày 09/12/1992.

Mặc dù ở phần nội dung phía trên, văn bản ủy quyền không xác định rõ tính chất của sự ủy quyền nhà, là “Ủy quyền sử dụng” hay “Ủy quyền sở hữu”, nhưng tại phần cam kết phía dưới văn bản ủy quyền, đã ghi rõ tính chất của sự ủy quyền như sau: *“Việc ủy quyền của chúng tôi trên đây được sự nhất trí của cả gia đình, nếu sau này có bất cứ ai đứng ra tranh chấp về quyền sở hữu hay vì bất cứ lý do nào khác chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành”*. Mặt khác, văn bản ủy quyền này không xác định thời hạn của sự ủy quyền mà lại có sự cam kết về quyền sở hữu của bên ủy quyền, điều đó thể hiện việc ủy quyền vĩnh viễn, là sự chuyển dịch quyền sở hữu cho người nhận ủy quyền.

Như vậy, căn cứ vào chính văn bản ủy quyền ngày 21/11/1991 có sự chứng nhận hợp lệ của chính quyền địa phương vào ngày 09/12/1992 nói trên, có cơ sở xác định rằng bà C, bà T và bà P đã đồng ý ủy quyền sở hữu phần tài sản của mình có trong căn nhà và đất số 102A, Ô2, khu 3, thị trấn C, huyện C, cho ông Đỗ Phát Tr. Điều này cũng phù hợp với thực tế chiếm hữu nhà, đất của gia đình ông Tr đối với căn nhà này suốt trong thời gian dài vừa qua (hơn 30 năm). Vào năm 1993, năm 2002, gia đình ông Tr đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở một cách hợp pháp.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định rằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của căn nhà này, vẫn là di sản của ông T-bà C, là chưa đúng pháp luật;

[5.2]Đối với nhà và đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, Tiền Giang, diện tích đất vườn là 8.319 m<sup>2</sup>:

Điều 670 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng, như sau:

*“1.Trong trường hợp người lập di chúc có để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng.*

*Trong trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng thì những người thừa kế cử một người quản lý di sản thờ cúng.*



*Trong trường hợp tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật.*

*2. Trong trường hợp toàn bộ di sản của người chết không đủ để thanh toán nghĩa vụ tài sản của người đó thì không được dành một phần di sản dùng vào việc thờ cúng”.*

Điều 645 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng, như sau:

*“1. Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng.*

*Trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng thì những người thừa kế cử người quản lý di sản thờ cúng.*

*Trường hợp tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật.*

*2. Trường hợp toàn bộ di sản của người chết không đủ để thanh toán nghĩa vụ tài sản của người đó thì không được dành một phần di sản dùng vào việc thờ cúng”.*

Cả hai điều luật nói trên đều giống nhau và đều thừa nhận rằng nếu có di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế. Tuy nhiên, bên cạnh đó, điều luật cũng quy định thêm rằng trong một hoàn cảnh nào đó (thí dụ: trong trường hợp tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết) thì di sản dùng vào việc thờ cúng sẽ được phân chia.

Quy định nói trên của điều luật về di sản dùng vào việc thờ cúng đã nói lên rằng, một mặt, pháp luật tôn trọng ý chí của một người, khi họ muốn dùng một phần tài sản của mình vào việc thờ cúng; mặt khác, pháp luật cũng bảo đảm trật tự công cộng khi cho phép, trong một hoàn cảnh nào đó, di sản dùng vào việc thờ cúng sẽ được phân chia cho người thừa kế đang quản lý trực tiếp di sản.

Như vậy, nếu cho rằng nhà và đất tọa lạc tại ấp Bình Ninh, xã Bình Phan, huyện C, Tiền Giang, diện tích đất vườn là 8.319 m<sup>2</sup> là di sản của bà Đoàn Thị C để lại dùng vào việc thờ cúng theo văn bản là “*Tờ lập nhà thờ*” – bút lục 160 - thì Tòa án cần thiết phải xác định rằng văn bản là “*Tờ lập nhà thờ*” này có phải là di chúc hay không? Bà Đoàn Thị C đã chỉ định ai là người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng? Hiện nay, tình trạng của những người thừa kế theo di chúc, như thế nào? Giữa bà Đoàn Thị C và các đương sự trong vụ án này có mối quan hệ huyết thống như thế nào? Trong hoàn cảnh hiện nay, việc thờ cúng có được thực hiện theo đúng ý nguyện của người để lại di sản hay không?

Trong khi tất cả những tình tiết, chứng cứ nói trên chưa được làm rõ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận rằng nhà và đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, Tiền Giang (diện tích đất vườn là 8.319 m<sup>2</sup>), cho đến nay, vẫn là di sản của bà Đoàn Thị C để lại dùng vào việc thờ cúng, là chưa có căn cứ pháp luật.

[6] Với những tài liệu, chứng cứ phân tích nói trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa đúng về di sản của ông T-bà C và chưa đúng về tính chất pháp lý của di sản, dẫn đến việc phân chia không đúng di sản cho những người thừa kế.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của đương sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 270; Điều 293; Điều 308; Điều 310; Điều 313 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;*

1/Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị V; hủy bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 25/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/Về án phí phúc thẩm: đương sự không phải chịu. Trả lại cho bà Đỗ Thị V số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 00855 ngày 01/04/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tùng**